



TW25

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024



ANNUAL REPORT 2024



TW25

CHẤT LƯỢNG HÀNG ĐẦU – UY TÍN LÀ CỐT LÕI

SỨ MỆNH

- Cung cấp các sản phẩm thuốc phòng bệnh và chữa bệnh với chất lượng và hiệu quả cao cùng chi phí hợp lý đến với cộng đồng;
- Xây dựng hình ảnh là một doanh sản xuất – kinh doanh dược phẩm uy tín, chất lượng và quan tâm đến công tác bảo vệ môi trường;
- Không ngừng gia tăng giá trị và lợi ích cho cổ đông, khách hàng và người lao động;
- Góp phần vào công cuộc xây dựng và phát triển ngành dược Việt Nam trong thời kỳ hội nhập.

TẦM NHÌN

Thị trường dược phẩm còn nhiều tiềm năng phát triển, nhu cầu khám chữa bệnh, chăm sóc y tế của người dân ngày càng cao, ngân sách dành cho y tế của cộng đồng dân cư tăng trưởng cao qua các năm. Do đó, đòi hỏi các doanh nghiệp trong ngành cần cố gắng nhiều hơn nữa trong việc nghiên cứu phát triển sản phẩm, nâng cao năng lực sản xuất, chất lượng sản phẩm dịch vụ...thoả mãn các nhu cầu của khách hàng, riêng Công ty cổ phần Dược phẩm TW25 nhận thức được vai trò và trách nhiệm của mình luôn cải tiến sản phẩm không ngừng, đáp ứng tốt nhu cầu chăm sóc sức khỏe của cộng đồng, chinh phục khách hàng bằng chất lượng.

LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

Sản xuất và kinh doanh dược phẩm. Trong đó, dòng sản phẩm uy tín và chất lượng đã được thị trường đánh giá cao như kháng sinh, thuốc giọt.



GIẢI THƯỞNG

Giải thưởng về thương hiệu và chất lượng sản phẩm:

- » Huân Chương lao động Hạng II và hạng III;
- » Hàng Việt Nam chất lượng cao từ năm 2008 -2024;
- » Giải thưởng Sao Vàng đất Việt, Top 200 Thương hiệu hàng đầu Việt Nam năm 2010, 2011 do Hội Doanh nghiệp Trẻ Việt Nam trao tặng;
- » Top 100 Nhà cung cấp uy tín nhất tại Việt Nam do Bộ Công thương công nhận;
- » Danh hiệu Top 100 thương hiệu hàng đầu Việt Nam do Liên Hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam Trao tặng;
- » Cúp vàng sản phẩm thương hiệu Việt;
- » Bằng khen đã có nhiều thành tích xuất sắc trong công tác Bảo vệ và chăm sóc sức khỏe người lao động của Bộ y tế;
- » Cúp vàng “Vì sức khỏe người Việt”.

Giải thưởng về môi trường:

- » Công ty là một trong 14 đơn vị của Thành phố Hồ Chí Minh đạt danh hiệu XANH-SẠCH-ĐẸP từ năm 2006;
- » Năm 2006 được giải 3, năm 2008 đạt giải khuyến khích và năm 2010 là một trong Top10 đơn vị có thành tích xuất sắc nhất trong công tác bảo vệ môi trường đạt chứng nhận:
- » “Doanh Nghiệp Xanh” của UBND TP.HCM do Sở Tài nguyên và Môi trường TP.HCM phối hợp với Báo Sài Gòn Giải Phóng trao tặng;
- » Năm 2012 Giải nhất “Doanh Nghiệp Xanh” của UBND TP.HCM do Sở Tài nguyên và
- » Môi trường TP.HCM phối hợp Báo Sài Gòn Giải Phóng trao tặng;
- » Đạt giải “Thương Hiệu Xanh Bền Vững” do Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam trao tặng nhân ngày Môi trường Thế Giới năm 2008, 2009, 2010;
- » Bằng khen vì sự nghiệp bảo vệ môi trường Việt Nam 2009 do Bộ Tài nguyên và Môi trường trao tặng;
- » Bằng khen vì đã có nhiều thành tích xuất sắc tham gia phong trào trồng cây xanh và hội thi “Môi trường Xanh – Sạch – Đẹp” Thành phố Hồ Chí Minh do Bộ trưởng Bộ Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn trao tặng;
- » Giải thưởng Môi trường Việt Nam năm 2011 do Bộ Tài nguyên và Môi trường Việt Nam trao tặng.

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Công ty Cổ phần Dược phẩm TW25 (UPHACE) là đơn vị thành viên độc lập trực thuộc Tổng Công ty dược Việt Nam được thành lập theo giấy đăng ký kinh doanh số 4103007041 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19/6/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 25/7/2008. Trước khi Cổ phần hóa, tiền thân là sự sáp nhập giữa Xí nghiệp Dược phẩm TW21 và Xí nghiệp Dược phẩm TW25. Hoạt động theo cơ chế cổ phần từ ngày 01/7/2007. Bao gồm các Trung tâm, Nhà máy do 02 Xí nghiệp tiếp quản.

- » Trung tâm Quân Dược Viện.
- » Viện bào chế YARON
- » Viện bào chế ALPHA
- » Viện bào chế SIFAP
- » Viện bào chế FARMO
- » Viện bào chế BIOFACM, ZENIT



GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY

| | |
|-------------------------|--|
| Tên Công ty | CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TW25 |
| Tên tiếng Anh | No.25 CENTRAL PHARMACEUTICAL JSC |
| Tên viết tắt | UPHACE |
| Mã chứng khoán | UPH |
| Sàn đăng ký giao dịch | HNX |
| Biểu tượng của Công ty | |
| Vốn điều lệ | 132.946.410.000 đồng. |
| Trụ sở chính và nhà máy | 448B Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, TP.HCM |
| Điện thoại | (84-28) 9414967 |
| Fax | (84-28) 9414975 |
| Email | duocphamt25@uphace.vn |
| Website | www.uphace.vn |
| Giấy CNDKKD: | Số 4103007041 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19 /6/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 6/6/2024. |

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CỦA CÔNG TY

- » Sản xuất kinh doanh dược phẩm;
- » Sản xuất thực phẩm BVSK;
- » Sản xuất và mua bán mỹ phẩm;
- » Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng (không sản xuất tại trụ sở);
- » Mua bán nước giải khát (không kinh doanh dịch vụ ăn uống tại trụ sở);
- » Sản xuất và mua bán bao bì bằng giấy, nhựa (không tái chế phế thải tại trụ sở);
- » Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế (không sản xuất tại trụ sở);
- » Kinh doanh bất động sản...



TRỤ SỞ CÔNG TY
Địa chỉ: 448B Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, TP.HCM
Điện thoại: (84-28) 39414 697
Fax: (84-28) 3941 4975

XUỞNG SẢN XUẤT
Địa chỉ: 448B Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, TP.HCM
Điện thoại: (84-28) 3940 4969
Fax : (84-28) 3941 4975



TỔ CHỨC BỘ MÁY

Phòng ban chức năng:

- ☐ Phòng Kế toán tài chính
- ☐ Phòng Hành chính quản trị
- ☐ Phòng Kế hoạch cung ứng
- ☐ Phòng Kinh doanh
- ☐ Phòng Nghiên cứu phát triển
- ☐ Phòng Đảm bảo chất lượng
- ☐ Phòng Kiểm nghiệm
- ☐ Phòng Cơ điện

Xưởng sản xuất:

- ☐ Dây chuyền Non- Betalactamin
- ☐ Dây chuyền Betalactamin
- ☐ Dây chuyền thuốc giọt
- ☐ Dây chuyền bảo vệ sức khỏe
- ☐ Dây chuyền mỹ phẩm, Bảo vệ sức khỏe

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Kính thưa quý vị!

Năm 2024 là năm đánh dấu 51 năm hình thành và phát triển Công ty cũng như đánh dấu mốc 17 năm Công ty hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần. Theo đó, bên cạnh những thành tích đạt được thì những khó khăn, thách thức mà Công ty đối diện còn rất nhiều.

Trong năm 2024, tình hình địa chính trị trên thế giới đã ảnh hưởng rất lớn đến nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng trong đó có Công ty chúng ta.

Tuy nhiên, với sự chỉ đạo kiên quyết, đúng đắn của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc cùng với sự nỗ lực của tập thể CBCNV Công ty đã đoàn kết thống nhất một lòng đưa Công ty vượt qua khó khăn, hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ của năm 2024.

Thưa quý vị!

Sang năm 2025, tình hình kinh tế trong và ngoài nước có nhiều khó khăn cũng như diễn biến của các cuộc xung đột trên thế giới như Nga - Ucraina, Palestin - Israel...sẽ tiếp tục ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty do đó đòi hỏi Hội đồng Quản trị phải nỗ lực hết mình để tiếp tục hoàn thành các nhiệm vụ mà ĐHQĐĐ đã giao, trong đó tiếp tục tập trung tái cơ cấu tổ chức bộ máy hoạt động, hệ thống phân phối và danh mục sản phẩm sao cho hiệu quả và đồng thời xây dựng chiến lược phát triển Công ty với nhiệm vụ trọng tâm là xây dựng nhà máy dược phẩm mới.

Đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm mà Hội đồng Quản trị Công ty nhiệm kỳ 2022 - 2027 sẽ nỗ lực để hoàn thành với mong muốn đưa Công ty Cổ phần Dược phẩm TW25 trở lại vị thế vốn có, trở thành một trong những doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh dược phẩm uy tín hàng đầu tại Việt Nam.

Thay mặt HĐQT Công ty, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Quý cổ đông, quý đối tác, quý khách hàng đã tin tưởng và ủng hộ Công ty trong thời gian qua. Kính mong Quý cổ đông, quý đối tác, quý khách hàng sẽ tiếp tục đồng hành, gắn bó cùng Công ty trong thời gian tới. Xin kính chúc toàn thể quý vị dồi dào sức khỏe, an khang thịnh vượng, vạn sự như ý.

Trân trọng.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2024

| KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH | | ĐV tính: đồng | |
|-----------------------------|------------------------------------|-----------------|-----------------|
| STT | CHỈ TIÊU | NĂM 2023 | NĂM 2024 |
| 1 | Tổng giá trị tài sản | 372.214.331.661 | 386.843.685.749 |
| 2 | Tổng doanh thu | 140.139.586.032 | 130.580.736.698 |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | 2.214.109.140 | 2.621.598.978 |
| 4 | Nộp ngân sách | 11.915.682.957 | 17.383.018.747 |
| 5 | Tổng quỹ lương | 23.800.000.000 | 20.900.000.000 |
| 6 | Tiền lương bình quân (người/tháng) | 16.800.000 | 15.200.000 |
| 7 | Cổ tức (%) | 0% | 0% |

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

| STT | CHỈ TIÊU | NĂM 2023 | NĂM 2024 |
|-----|---|----------|----------|
| 1 | Cơ cấu tài sản | % | % |
| | - Tài sản dài hạn/Tổng tài sản | 25,8 | 24,3 |
| | - Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản | 74,2 | 75,7 |
| 2 | Cơ cấu vốn | % | % |
| | - Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn | 59,1 | 59,9 |
| | - Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn | 40,9 | 40,1 |
| 3 | Khả năng thanh toán | Lần | Lần |
| | - Khả năng thanh toán nhanh | 0,4 | 0,4 |
| | - Khả năng thanh toán hiện hành | 1,3 | 1,7 |
| 4 | Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | Lần | Lần |
| | - Vòng quay hàng tồn kho | 0,59 | 0,59 |
| | - Doanh thu thuần /Tổng tài sản | 0,38 | 0,38 |
| 5 | Khả năng sinh lời | % | % |
| | - Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản | 0,59 | 0,68 |
| | - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | 1,58 | 2,35 |
| | - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu | 1,45 | 1,98 |
| | - Tỷ suất lợi nhuận từ HĐKD/ Doanh thu thuần | 1,64 | 1,96 |
| 6 | Thu nhập trên cổ phần (VNĐ/CP) | 166 | 231 |



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Cơ cấu vốn điều lệ: Tại thời điểm 31/12/2024:

| CHỈ TIÊU | VNĐ | TỶ LỆ(%) | SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG | CƠ CẤU CỔ ĐÔNG | |
|---|-----------------|----------|------------------|----------------|---------|
| | | | | TỔ CHỨC | CÁ NHÂN |
| Tổng vốn điều lệ | 132.946.410.000 | 100 | 472 | 8 | 464 |
| - Cổ đông nắm giữ trên 5% có quyền biểu quyết | 115.100.000.000 | 86,57 | 2 | 2 | 0 |
| - Cổ đông nắm giữ 1% đến 5% có quyền biểu quyết | 9.738.800.000 | 7,32 | 2 | 1 | 1 |
| - Cổ đông nắm giữ dưới 1% có quyền biểu quyết | 8.107.610.000 | 6,098 | 466 | 5 | 463 |
| - Cổ phiếu quỹ | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Trong đó: | | | | | |
| - Vốn Nhà nước | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| - Vốn nước ngoài | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

- Những thay đổi của cổ đông lớn tại thời điểm 31/12/2024: không có.
- Cổ tức/ Lợi nhuận chia cho các thành viên góp vốn: 0%/VĐL.



Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2024:

Năm 2024, Hội đồng quản trị đã thực hiện 4 kỳ họp và ban hành 15 Nghị quyết. Các thành viên HĐQT tham gia đầy đủ các buổi họp, Chủ tịch HĐQT và Tổng giám đốc luôn thông tin kịp thời các hoạt động của công ty đến các thành viên HĐQT. Tất cả buổi họp Hội đồng quản trị đều có sự hiện diện của Ban Kiểm soát..

Ngày 26/3/2024, HĐQT đã ban hành Nghị quyết về việc thông qua kế hoạch kinh doanh 2024.

Ngày 22/5/2024, HĐQT đã ban hành Nghị quyết về việc thông qua miễn nhiệm và bổ nhiệm Tổng Giám đốc Công ty.

Ngày 19/9/2024, HĐQT đã ban hành Nghị quyết về việc - Đầu tư dự án nhà máy tại KCN Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, TP.HCM.



Giao dịch với các bên có liên quan:

| STT | CÔNG TY | GIÁ TRỊ GIAO DỊCH (VNĐ) |
|-----|----------------------------------|-------------------------|
| 1 | Công ty CPDP OPC | 105.500.000.000 |
| 2 | Tổng Công ty Bảo hiểm Hùng Vương | 99.025.973 |
| 3 | Công ty TNHH MTV OPC Bình Dương | 403.500.000 |



Kết quả đầu tư và thực hiện các dự án :

- Về dự án nhà máy dược phẩm: với hiện trạng nhà xưởng hiện nay tại Khu đất 448B Nguyễn Tất Thành ngày càng xuống cấp cũng như tình trạng pháp lý khu đất là thuê đất hàng năm dẫn đến nguy cơ bị thu hồi. Do đó, tính cấp bách hiện nay là phải tiến hành việc lập phương án đầu tư nhà máy mới để duy trì sự ổn định và phát triển của Công ty trong dài hạn.

Vừa qua, HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành xúc tiến việc làm việc với đơn vị tư vấn và các chuyên gia để xây dựng và trình phương án đầu tư cho dự án đầu tư nhà máy tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

.- Dự án cao ốc văn phòng tại số 120 Hai Bà Trưng, Phường Đakao, Quận 1: Hiện nay, Công ty phối hợp cùng đối tác hoàn tất các thủ tục để xin phép xây dựng và triển khai thi công dự án.

- Khu đất 448B Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4: Đang thực hiện các thủ tục thanh lý hợp tác và tìm kiếm phương án khai thác phù hợp.

- Khu nhà 41-43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3: Hiện nay đang tích cực phối hợp với đối tác để nhanh chóng giải quyết các tranh chấp giữa các bên tại tòa nhà này nhằm bảo vệ các quyền và lợi ích của Công ty liên quan đến khu đất này.

Hoạt động đánh giá công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc:

Trong năm 2024, Hội đồng quản trị đã thực hiện giám sát công tác quản lý, điều hành của Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý của công ty thông qua việc tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024. Công tác giám sát Ban điều hành được thực hiện thường xuyên, kịp thời đưa ra các chủ trương, định hướng nhằm tháo gỡ những khó khăn, bất cập trong hoạt động sản xuất kinh doanh để hoàn thành nhiệm vụ.

+ Ban điều hành quán triệt các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, đưa ra các giải pháp cụ thể, sáng tạo. Trong quá trình hoạt động có những khó khăn, vướng mắc phát sinh xuất phát từ nguyên nhân khách quan và chủ quan Ban điều hành đều có sự tham vấn, xin ý kiến của HĐQT do đó đã hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận năm 2024.

+ Với mục tiêu củng cố nội lực, tạo đà phát triển vững chắc những năm tiếp theo, khẳng định thương hiệu dựa trên chất lượng sản phẩm, Hội đồng quản trị chỉ đạo Ban điều hành thường xuyên nêu cao ý thức tuân thủ của toàn thể CBCNV trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ SXKD từng bước xác định năng lực, khẳng định thương hiệu Công ty trên các thị trường.

+ Dưới sự chỉ đạo của HĐQT, Ban Điều hành cũng đã khắt trương, nghiêm túc xây dựng, triển khai nhiệm vụ cụ thể trong từng thời kỳ đến từng thành viên Ban Điều hành, từng đơn vị thực hiện. Các chỉ đạo của HĐQT luôn được Ban điều hành và các đơn vị xác định là nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách để tập trung, chú trọng thực hiện.

+ Thông qua cơ chế giám sát, đánh giá và báo cáo định kỳ mỗi quý, cũng như báo cáo đột xuất khi có yêu cầu, HĐQT đánh giá Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết HĐQT.



V/v thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2024:

Trong năm 2024 trong quá trình hoạt động, Công ty gặp một số khó khăn xuất phát từ nguyên nhân khách quan và chủ quan. Bằng nỗ lực của mình, HĐQT đã chỉ đạo và hỗ trợ Ban điều hành trong việc hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 như sau: Tổng doanh thu năm 2024 là 130,5 tỷ đồng đạt 91,8% so với kế hoạch (Kế hoạch là 142 tỷ đồng) và đạt 93,3% so với cùng kỳ năm 2023. Lợi nhuận trước thuế 2,62 tỉ đồng tăng 104,8% so với Kế hoạch (Kế hoạch là 2,5 tỷ đồng). Thu nhập bình quân của người lao động là 15,2 triệu đồng/người/tháng.



V/v thực hiện các quy chế hoạt động của HĐQT & công bố thông tin:

Nhằm tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty phù hợp với pháp luật hiện hành và tình hình thực tế công ty đồng thời nâng cao hiệu quả quản trị Công ty, tăng cường sự phối hợp giữa HĐQT và Ban điều hành, đồng thời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, xây dựng và phát triển tốt mối quan hệ đối với các nhà đầu tư.

Tiếp tục thực hiện hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội về việc công bố thông tin trên thị trường Chứng khoán thông qua hệ thống công bố thông tin điện tử (IDS) và (CIMS). Công ty đã triển khai thực hiện và tiến hành công bố thông tin đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

Việc công bố thông tin được thực hiện đúng thời gian và đầy đủ theo quy định của Thông tư 96, Quy chế Quản trị Công ty ban hành theo Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 bao gồm các nội dung: báo cáo tài chính, báo cáo thường niên, báo cáo tình hình quản trị, báo cáo giao dịch cổ đông có liên quan và những báo cáo khác.

THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ & BAN KIỂM SOÁT

Theo tờ trình đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua về mức thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký trong năm 2024 là 430 triệu đồng. Cụ thể mức chi trả như sau

| STT | CHỨC DANH | SỐ TIỀN (VNĐ/THÁNG) |
|-----|-----------------------------------|---------------------|
| 1 | Chủ tịch HĐQT | 6.500.000 |
| 2 | Thành viên HĐQT | 4.000.000 |
| 3 | Trưởng Ban kiểm soát | 4.000.000 |
| 4 | Thành viên Ban Kiểm soát , Thư ký | 3.000.000 |

PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2025



Hội đồng quản trị tiếp tục chỉ đạo triển khai các chủ trương, chính sách của Công ty, tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ban điều hành hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2025.

Kế hoạch SXKD năm 2025 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 thông qua như sau:

Doanh thu : 145 tỉ đồng;
Lợi nhuận trước thuế : 2,8 tỷ đồng;
Cổ tức: 0%/VĐL.

Hoàn thiện các hoạt động quản trị Công ty theo thông lệ tốt và tiên tiến;

Tập trung cho công tác xây dựng chiến lược phát triển Công ty mà trọng tâm là dự án nhà máy sản xuất dược phẩm để nắm bắt những cơ hội phát triển và phù hợp với tiềm lực Công ty.

Xây dựng và hoàn thiện những định hướng về nhân sự, chính sách chế độ lương thưởng.

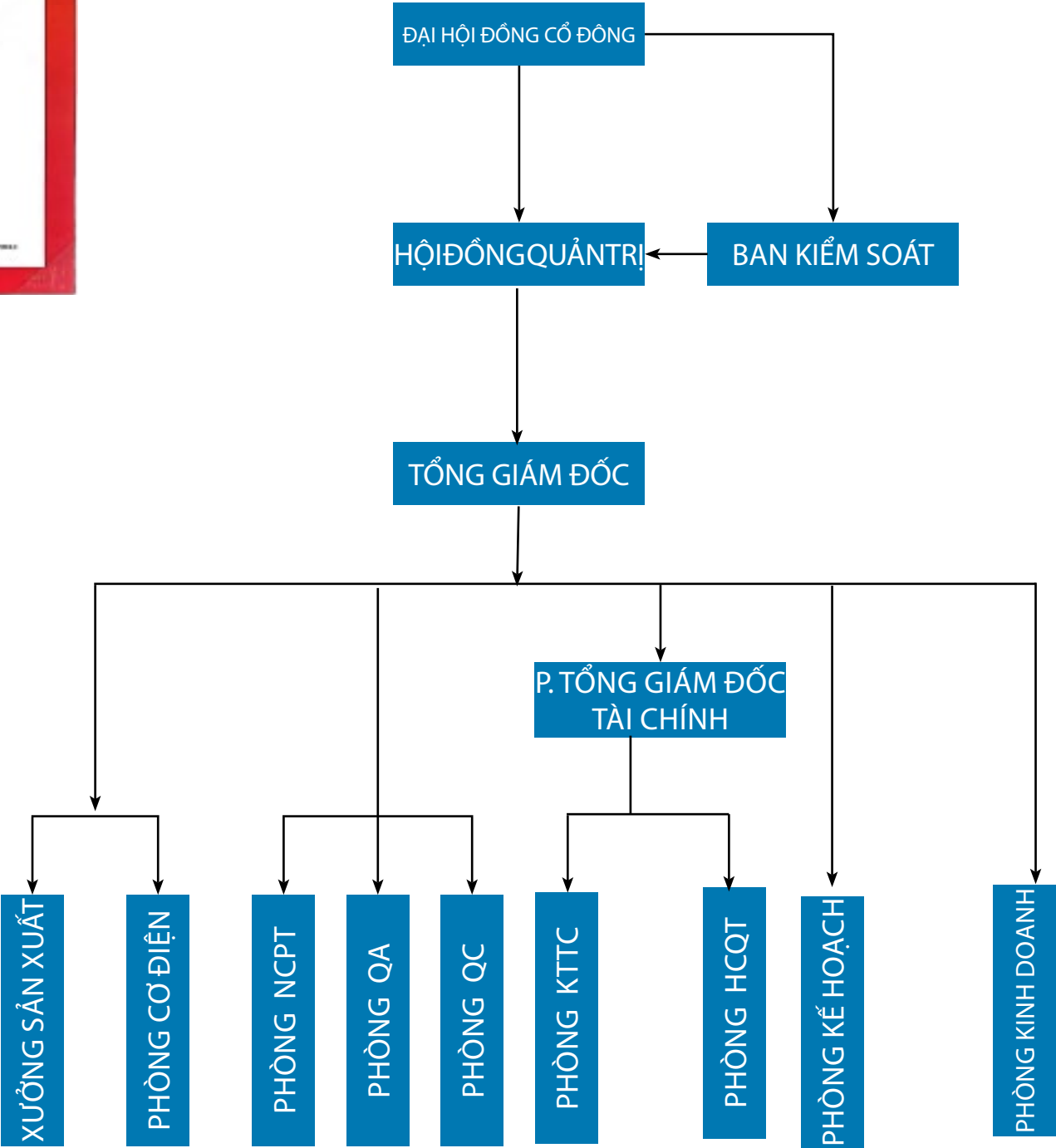
Đẩy mạnh công tác giám sát quản trị chất lượng sản phẩm, tối ưu hóa nhằm tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Tiếp tục đào tạo, sắp xếp, nâng cao chất lượng đội ngũ lao động , đội ngũ quản lý, đặc biệt là đội ngũ kế cận.

Tiếp tục phát triển tốt mối quan hệ với các nhà đầu tư và cổ đông, đảm bảo việc công bố thông tin đúng theo quy định.



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC VÀ CƠ CẤU QUẢN LÝ CÔNG TY CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TW25



DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ IV (2022 - 2027)

Chủ tịch HĐQT - Bà Phạm Thị Xuân Hương

Ngày tháng năm sinh : 1965 Giới tính: Nữ
Nơi sinh : Quảng Ngãi
Điện thoại liên lạc : 0968.368.222
Trình độ chuyên môn : Dược sĩ đại học
Số cổ phần cá nhân sở hữu : 0 cổ phần
Số cổ phần đại diện sở hữu : 3.730.000 cổ phần
Nơi công tác hiện nay : Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC



Quá trình công tác:

Từ năm 1991-1995 : Công ty Dược Vật tư y tế Lâm Đồng - Phòng Kinh doanh
Từ năm 1995 – 2004 : Phụ trách phòng Kinh doanh - Công ty dược vật tư y tế Lâm Đồng
Từ năm 2004– 2014 : Phó Tổng Giám đốc Công ty dược vật tư y tế Lâm Đồng
Từ năm 2014 – 2020 : Tổng Giám đốc Công ty dược vật tư y tế Lâm Đồng

Từ 7/2020 - 4/2021 : Chủ tịch HĐQT Công ty dược vật tư y tế Lâm Đồng
Từ năm 7/2021 đến nay : Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC

Thành viên HĐQT - Bà Hà Lan Anh

Ngày tháng năm sinh : 14/2/1982 Giới tính: Nữ
Nơi sinh : Tuyên Quang
CMND/Hộ chiếu : 008182000009
Quốc tịch : Việt Nam
Địa chỉ thường trú : Phường Cầu Diễn, Nam Từ Liêm, Hà Nội
Địa chỉ liên lạc : Phường Cầu Diễn, Nam Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại liên lạc : 0915.058.772
Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ luật học
Số cổ phần cá nhân sở hữu : 0 cổ phần
Số cổ phần đại diện sở hữu : 3.780.000 cổ phần
Nơi công tác hiện nay : Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP

Quá trình công tác:

Từ 7/2004 – 01/2007 : Chuyên viên tư vấn pháp lý – InvestConsult Group
Từ 01/2007 – 11/2012 : Phó phòng pháp chế - Công ty CP chứng khoán An Bình
Từ 12/2016 – 9/2020 : Chuyên viên pháp lý - Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP.
Từ 9/2020 – 10/2023 : Phó phòng KHĐT - Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP.
Từ 11/2023 - Nay : Trưởng phòng pháp chế, Người Phụ trách quản trị- Tổng Công ty Dược Việt Nam.

Thành viên HĐQT - Bà Phương Thanh Nhung



Ngày sinh : 1980 Giới tính: Nữ
Nơi sinh : Hà Nội
Quốc tịch : Việt Nam
Điện thoại liên lạc : 0901 868 986
Trình độ chuyên môn :
Số cổ phần cá nhân sở hữu : 0 cổ phần
Số cổ phần đại diện sở hữu : 4.000.000 cổ phần
Nơi công tác hiện nay : Ngân hàng TMCP Việt Á - Phó chủ tịch

Quá trình công tác:

Từ 10/2014 - 09/2015 : Thành viên HĐQT kiêm TGD ngân hàng Việt Á
Từ 10/2015 - 05/2016 : Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD ngân hàng Việt Á
Từ 05/2016 - 4/2018 : Phó Chủ tịch HĐQT ngân hàng Việt Á
Từ năm 2018– nay : Phó chủ tịch Ngân hàng Việt Á, Chủ tịch HĐQT Bảo hiểm Hùng Vương, Phó chủ tịch Công ty CPDP OPC.

Thành viên HĐQT - Ông Trần Trí Đức



Ngày sinh : 1988 Giới tính: Nam
Nơi sinh : Lâm Đồng
Quốc tịch : Việt Nam
Điện thoại liên lạc : 0906660831
Trình độ chuyên môn : Đại học
Số cổ phần cá nhân sở hữu : 0 cổ phần
Số cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phần
Nơi công tác hiện nay : Phó Tổng Giám đốc Công ty Địa ốc SAM- LAND

Quá trình công tác:

Từ 2017- 2021 : Trưởng phòng hội sở - Công ty CP tập đoàn Đất Xanh
Từ 2021 - nay : Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Địa ốc Sacom (SAMLAND)

Thành viên HĐQT - Ông Hà Đức Cường

Ngày tháng năm sinh : 1970 Giới tính: Nam
Nơi sinh : Quảng Nam
Điện thoại liên lạc : 0903398120
Trình độ chuyên môn : Dược sĩ đại học
Số cổ phần cá nhân sở hữu : 2.000 cổ phần
Số cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phần
Nơi công tác hiện nay : Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC



Quá trình công tác:

Từ 2014-2016 : Giám đốc kiểm tra chất lượng - Công ty OPC
Hiện nay : Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC



DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT



Trưởng Ban Kiểm soát - Bà Huỳnh Thị Anh Thư

Ngày tháng năm sinh : 1990 Giới tính: Nữ
Nơi sinh : Hà Nội
Quốc tịch : Việt Nam
Điện thoại liên lạc : 0979 480 228
Trình độ chuyên môn : Cử nhân tài chính.
Số cổ phần cá nhân sở hữu : 0 cổ phần
Số cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phần
Nơi công tác hiện nay : Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP

Quá trình công tác:

Từ Tháng 01/2000 – Kế toán tại Công ty CP Sơn Á Đông
08/2006
Từ Tháng 10/2006 – Kế toán tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Thương Tín
04/2007
Từ 5/2008- nay : Kế toán tại Công ty CP Dược phẩm OPC

Thành viên Ban Kiểm soát - Bà Nguyễn Thu Thủy



Ngày tháng năm sinh : 1984 Giới tính: Nữ
Nơi sinh : Hà Nội
Quốc tịch : Việt Nam
Điện thoại liên lạc : 0962 523 668
Trình độ chuyên môn : Cử nhân tài chính.
Số cổ phần cá nhân sở hữu : 0 cổ phần
Số cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phần
Nơi công tác hiện nay : Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Bảo hiểm Hùng Vương

Quá trình công tác:

Từ 6/2011- 8/2013 Trưởng phòng QHKKH - Ngân hàng Techcombank
Từ 8/2013-5/2019 Phó giám đốc khối khách hàng cá nhân và khách hàng chiến lược Ngân hàng Việt Á
Từ 5/2019 - nay Phó Tổng giám đốc Công ty CP Bảo hiểm Hùng Vương

Thành viên Ban kiểm soát - Bà Lê Thị Ánh Nguyệt



Ngày tháng năm sinh : 1976 Giới tính: Nữ
Nơi sinh : Hà Nội
Quốc tịch : Việt Nam
Điện thoại liên lạc : 0903888264
Trình độ chuyên môn : Trung cấp
Số cổ phần cá nhân sở hữu : 13.436 cổ phần
Số cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phần
Nơi công tác hiện nay : Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC

Quá trình công tác:

Từ 2010 - 2016 : Trưởng phòng Kinh doanh Công ty CP Dược phẩm TW25.
Từ 2016 -11/2023 : Phó Giám đốc Marketing - Công ty CP Dược phẩm OPC
Từ 11/2023 - nay : Giám đốc kinh doanh OTC- Công ty CP Dược phẩm OPC



DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc - Nguyễn Mạnh Hải

Ngày sinh : : 01/8/1988 Giới tính: Nam
Nơi sinh : Thành phố Hồ Chí Minh
CMND/Hộ chiếu : 079088012883
Quốc tịch : Việt Nam
Địa chỉ thường trú : A12A-10 KDC Phú Mỹ Hưng, 79 Đường số 16, Quận 7, TP.HCM
Địa chỉ liên lạc : A12A-10 KDC Phú Mỹ Hưng, 79 Đường số 16, Quận 7, TP.HCM
Điện thoại liên lạc : 0919531530
Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ kinh tế
Số cổ phần cá nhân sở hữu : 0 cổ phần
Số cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phần



Quá trình công tác:
Từ 2000 - 2024 : Giám đốc Công ty TNHH Like Holding, Công ty CP Green Waste
Từ 6/2024- nay : Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm TW25

Phó Tổng Giám đốc tài chính - Kế toán Trưởng - Ông Ngô Tân Long

Ngày sinh : 10/09/1976 Giới tính: Nam
Nơi sinh : Hà Nội
CMND : 023090409
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính
Địa chỉ thường trú : 152 Đường 130 Cao Lỗ, Phường 4, Quận 8, TP.HCM
Quê quán : Quảng Bình
Điện thoại : 0983.777.990



Quá trình công tác:
Từ 2005 - 05/2010 : Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng CTy TNHH MTV Dược phẩm OPC Bình Dương
Từ 04/2011 - 04/2017 : Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC
Từ 04/2017 - nay : Phó TGD Tài chính CTy Cổ phần Dược phẩm TW25
Chức vụ hiện nay : Phó TGD Tài chính, Phụ trách kế toán Công ty CPDPTW25.
Số cổ phần nắm giữ : 1.000 cổ phần.

QUYỀN LỢI CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Thu nhập Ban Tổng giám đốc trong năm 2024. Cụ thể:

| STT | HỌ TÊN | CHỨC DANH | SỐ TIỀN (VND) |
|-----|---------------------|----------------------------|---------------|
| 1 | Ông Nguyễn Mạnh Hải | Tổng Giám đốc | 492.573.339 |
| 2 | Ông Đồng Văn Mạnh | Tổng Giám đốc | 572.428.571 |
| 3 | Ông Ngô Tân Long | Phó Tổng Giám đốc kiêm KTT | 560.880.000 |



Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

TỔNG SỐ LAO ĐỘNG

Tình hình lao động Công ty đến thời điểm 31/12/2024 là 113 gười, cơ cấu lao động theo trình độ được thể hiện trong bảng sau:

| | |
|--|-----------|
| Số lao động đầu | 115 người |
| Lao động tăng | 15 người |
| Lao động Giảm | 18 người |
| Số lao động cuối kỳ | 113 người |
| Trong đó lao động Nữ 78 lao động. | |
| Lao động ký HĐLĐ không xác định thời hạn | 85 người |
| Lao động ký HĐLĐ từ 12-36 tháng | 27 người |
| Lao động trong thời gian thử việc | 01 người |



| Cơ cấu lao động theo trình độ chuyên môn | |
|--|------------|
| Thạc sĩ (Được 01) | : 02 người |
| Đại học (Được 26) | : 40 người |
| Cao đẳng (Được 03) | : 8 người |
| Trung cấp (Được 17) | : 25 người |
| Công nhân kỹ thuật, LDPT | : 41 người |

CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Chế độ làm việc

Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày, 6 ngày/tuần, nghỉ trưa 1h, thời gian làm việc của các xưởng trực tiếp sản xuất được chia thành 3 ca. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh thì nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước và đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động.

Ngoài ra, Công ty tổ chức nấu ăn sáng và ăn trưa cho Cán bộ người lao động làm việc trong Công ty với tiêu chí an toàn vệ sinh thực phẩm và đủ chất dinh dưỡng giúp cho người lao động yên tâm làm việc.

Nghỉ ốm, thai sản: Nhân viên Công ty được nghỉ ốm 03 ngày (không liên tục) trong năm và được hưởng nguyên lương. Trong thời gian nghỉ thai sản, ngoài thời gian nghỉ 06 tháng với chế độ bảo hiểm theo đúng quy định do Bảo hiểm xã hội chi trả.

Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc, nhà xưởng khang trang, thoáng mát. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.



Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Tuyển dụng: Công ty có hệ thống quy chế về tuyển dụng
Tuyển dụng: Công ty có hệ thống quy chế về tuyển dụng đào tạo rõ ràng. Công ty tuyển dụng thông qua các nguồn lao động từ các trường Đại học, Cao đẳng và Trung học chuyên nghiệp trên địa bàn TP.HCM. Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đề ra những tiêu chuẩn bắt buộc riêng, song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như: có trình độ chuyên môn cơ bản, cán bộ quản lý phải tốt nghiệp đại học chuyên ngành, nhiệt tình, ham học hỏi, yêu thích công việc, chủ động trong công việc, có ý tưởng sáng tạo. Đối với các vị trí quan trọng, các yêu cầu tuyển dụng khá khắt khe, với các tiêu chuẩn bắt buộc về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích và trình độ ngoại ngữ, tin học.

Chính sách thu hút nhân tài: Công ty có chính sách lương, thưởng xứng đáng với cống hiến chất xám, đặc biệt đối với các nhân viên giỏi và có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan, một mặt để giữ chân nhân viên lâu dài, mặt khác để thu hút lao động có năng lực từ nhiều nguồn khác nhau về làm việc cho Công ty.

Đào tạo: Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là trình độ chuyên môn nghiệp vụ và tiêu chuẩn G.M.P. Công ty cũng tổ chức đào tạo nghề nghiệp và các kỹ năng cho người lao động



thông qua các hình thức đào tạo kèm cặp, truyền đạt kinh nghiệm trong quá trình làm việc, gửi đào tạo bên ngoài. Đối với nhân viên mới tuyển dụng, Công ty sẽ tiến hành đào tạo nghiệp vụ và tạo mọi điều kiện thuận lợi để người lao động sớm thích nghi và nắm bắt được công việc mới. Ngoài ra, căn cứ vào nhu cầu phát triển của Công ty, năng lực, trình độ cán bộ, mức độ gắn bó với Công ty, Công ty định ra kế hoạch đào tạo thích hợp, dưới nhiều hình thức: cử đi đào tạo, đào tạo tại chỗ bằng các khoá huấn luyện,...

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Chính sách lương: Công ty xây dựng chính sách lương riêng phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước, hệ số lương được xác lập dựa trên trình độ, cấp bậc và tay nghề của người lao động, đảm bảo phù hợp với năng lực và công việc của từng người, khuyến khích cán bộ công nhân viên của Công ty làm việc hăng say, góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty.

Chính sách thưởng: Nhằm khuyến khích, động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả làm việc, đóng góp cho Công ty, Công ty có chính sách thưởng hàng kỳ, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của cá nhân hoặc tập thể trong thực hiện công việc đạt được hiệu quả cao, có sáng kiến trong cải

tiến phương pháp làm việc,... Ngoài ra, Công ty còn có chế độ lương thưởng vào cuối năm, tùy thuộc vào kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm mà số lương thưởng sẽ tăng giảm tương ứng.

Bảo hiểm và phúc lợi: Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp được Công ty trích nộp đúng theo quy định của pháp



luật. Công ty thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội cho người lao động theo Luật lao động và tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ công nhân viên.

Tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên: Công ty luôn tạo điều kiện thuận lợi để Công đoàn và Đoàn Thanh niên Công ty hoạt động, tạo điều kiện cho công nhân viên Công ty được nâng cao đời sống tinh thần và rèn luyện sức khỏe. Ngoài ra, hàng năm cán bộ công nhân viên Công ty còn được tổ chức đi nghỉ mát vào các dịp lễ.

Chính sách ưu đãi cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên: Nhằm tạo sự gắn bó lâu dài của cán bộ công nhân viên với Công ty và tạo động lực khuyến khích cán bộ công nhân viên làm việc, Công ty đã thực hiện chính sách hỗ trợ cán bộ công nhân viên của Công ty mua cổ phần với giá ưu đãi khi Công ty chuyển sang Công ty cổ phần.

Danh sách Thành viên Hội đồng quản trị/
Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng:

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT

Ngày 28/5/2022, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 đã bầu Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ IV(2022-2027) với các thành viên sau:

Hội đồng quản trị nhiệm kỳ IV (2022 – 2027) bao gồm:

| STT | HỌ & TÊN | CHỨC VỤ | GHI CHÚ |
|-----|------------------------|-----------------|------------------------------|
| 1 | Bà Phạm Thị Xuân Hương | Chủ tịch HĐQT | |
| 2 | Bà Phương Thanh Nhung | Thành viên HĐQT | |
| 3 | Bà Hà Lan Anh | Thành viên HĐQT | Bổ nhiệm từ ngày 20/4/2024 |
| 4 | Ông Trần Trí Đức | Thành viên HĐQT | |
| 5 | Ông Hà Đức Cường | Thành viên HĐQT | |
| 6 | Ông Nguyễn Văn Khái | Thành viên HĐQT | Miễn nhiệm từ ngày 20/4/2024 |

Ban kiểm soát nhiệm kỳ IV (2022– 2027) bao gồm:

| STT | HỌ & TÊN | CHỨC VỤ | GHI CHÚ |
|-----|----------------------|----------------------|------------------------------|
| 1 | Bà Huỳnh Thị Anh Thư | Trưởng Ban kiểm soát | Bổ nhiệm từ ngày 20/4/2024 |
| 2 | Bà Nguyễn Thị Thủy | Trưởng BKS | Miễn nhiệm từ ngày 20/4/2024 |
| 3 | Bà Lê Thị Ánh Nguyệt | Thành viên BKS | |
| 4 | Bà Nguyễn Thu Thủy | Thành viên BKS | |

THÀNH VIÊN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

| STT | HỌ & TÊN | CHỨC VỤ | GHI CHÚ |
|-----|---------------------|-----------------------------|----------------------------|
| 1 | Ông Nguyễn Mạnh Hải | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/6/2024 |
| 2 | Ông Đồng Văn Mạnh | Tổng Giám đốc | Miễn nhiệm ngày 01/6/2024 |
| 2 | Ông Ngô Tân Long | Phó TGD kiêm Kế toán Trưởng | Bổ nhiệm từ ngày 01/4/2017 |





TW25

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2024

Công ty Cổ phần Dược phẩm TW 25

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



MỤC LỤC

| | <i>Trang</i> |
|--------------------------------------|--------------|
| Thông tin chung | 1 |
| Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 2 |
| Báo cáo kiểm toán độc lập | 3 - 4 |
| Bảng cân đối kế toán | 5 - 6 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | 7 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | 8 - 9 |
| Thuyết minh báo cáo tài chính | 10 - 32 |

Công ty Cổ phần Dược phẩm TW 25

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược phẩm TW 25 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa từ một doanh nghiệp Nhà nước - Xí nghiệp Dược phẩm Trung ương 25 theo Quyết định số 5112/QĐ9-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Y tế. Theo đó, Công ty đã được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0300468511 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 19 tháng 6 năm 2007 và điều chỉnh gần nhất lần thứ 19 ngày 6 tháng 6 năm 2024.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên thị trường chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCOM") với mã chứng khoán là UPH do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày 29 tháng 12 năm 2016.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất dược phẩm, hóa dược, thương mại, dịch vụ và bất động sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 448B, Đường Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| | | |
|------------------------|------------|-------------------------------------|
| Bà Phạm Thị Xuân Hương | Chủ tịch | |
| Bà Phương Thanh Nhung | Thành viên | |
| Ông Trần Trí Đức | Thành viên | |
| Ông Hà Đức Cường | Thành viên | |
| Bà Hà Lan Anh | Thành viên | bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2024 |
| Ông Nguyễn Văn Khái | Thành viên | miễn nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2024 |

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| | | |
|----------------------|------------|-------------------------------------|
| Bà Huỳnh Thị Anh Thư | Trưởng ban | bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2024 |
| Bà Nguyễn Thị Thủy | Trưởng ban | miễn nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2024 |
| Bà Lê Thị Ánh Nguyệt | Thành viên | |
| Bà Nguyễn Thu Thủy | Thành viên | |

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| | | |
|---------------------|-------------------|------------------------------------|
| Ông Nguyễn Mạnh Hải | Tổng Giám đốc | bổ nhiệm ngày 1 tháng 6 năm 2024 |
| Ông Đồng Văn Mạnh | Tổng Giám đốc | miễn nhiệm ngày 1 tháng 6 năm 2024 |
| Ông Ngô Tân Long | Phó Tổng Giám đốc | |

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| | |
|------------------------|-----------------------------|
| Bà Phạm Thị Xuân Hương | |
| Ông Nguyễn Mạnh Hải | từ ngày 6 tháng 6 năm 2024 |
| Ông Đồng Văn Mạnh | đến ngày 6 tháng 6 năm 2024 |

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Dược phẩm TW 25

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm TW 25 ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Nguyễn Mạnh Hải
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 21 tháng 3 năm 2025

Số tham chiếu: 61519112/66925146/FN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Dược phẩm TW 25

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm TW 25 ("Công ty"), được lập ngày 21 tháng 3 năm 2025 và được trình bày từ trang 5 đến trang 32, bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Phạm Thị Cẩm Tú
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2266-2023-004-1



Dương Phúc Kiên
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 4613-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 21 tháng 3 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------|--|-------------|------------------------|------------------------|
| 100 | A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 292.739.521.837 | 276.258.362.601 |
| 110 | I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 4 | 28.283.162.460 | 29.373.283.684 |
| 111 | 1. Tiền | | 15.881.615.411 | 9.110.316.259 |
| 112 | 2. Các khoản tương đương tiền | | 12.401.547.049 | 20.262.967.425 |
| 120 | II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | | 38.000.000.000 | 21.769.777.151 |
| 123 | 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 5 | 38.000.000.000 | 21.769.777.151 |
| 130 | III. Các khoản phải thu ngắn hạn | | 26.703.495.054 | 25.776.266.141 |
| 131 | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 6.1 | 41.267.169.521 | 37.745.259.525 |
| 132 | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 6.2 | 1.112.434.887 | 5.067.493.887 |
| 136 | 3. Phải thu ngắn hạn khác | 7 | 6.437.509.409 | 4.213.782.909 |
| 137 | 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 8 | (22.113.618.763) | (21.250.270.180) |
| 140 | IV. Hàng tồn kho | 9 | 199.231.781.635 | 198.175.934.868 |
| 141 | 1. Hàng tồn kho | | 201.768.051.752 | 200.227.756.189 |
| 149 | 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | | (2.536.270.117) | (2.051.821.321) |
| 150 | V. Tài sản ngắn hạn khác | | 521.082.688 | 1.163.100.757 |
| 151 | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | | 97.400.000 | 43.500.000 |
| 152 | 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 14 | 146.265.258 | 1.119.600.757 |
| 153 | 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 14 | 277.417.430 | - |
| 200 | B. TÀI SẢN DÀI HẠN | | 94.104.163.912 | 95.955.969.060 |
| 210 | I. Phải thu dài hạn | | 3.761.660.200 | 3.761.660.200 |
| 216 | 1. Phải thu dài hạn khác | 7 | 3.761.660.200 | 3.761.660.200 |
| 220 | II. Tài sản cố định | | 19.885.928.823 | 22.643.575.381 |
| 221 | 1. Tài sản cố định hữu hình | 10 | 19.885.928.823 | 22.643.575.381 |
| 222 | Nguyên giá | | 109.629.094.697 | 111.989.308.056 |
| 223 | Giá trị khấu hao lũy kế | | (89.743.165.874) | (89.345.732.675) |
| 227 | 2. Tài sản cố định vô hình | | - | - |
| 228 | Nguyên giá | | 334.130.000 | 334.130.000 |
| 229 | Giá trị hao mòn lũy kế | | (334.130.000) | (334.130.000) |
| 240 | III. Tài sản dở dang dài hạn | | 21.237.108.032 | 19.155.621.629 |
| 242 | 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 11 | 21.237.108.032 | 19.155.621.629 |
| 260 | IV. Tài sản dài hạn khác | | 49.219.466.857 | 50.395.111.850 |
| 261 | 1. Chi phí trả trước dài hạn | 12 | 48.562.134.538 | 50.186.494.000 |
| 262 | 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 23.3 | 657.332.319 | 208.617.850 |
| 270 | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | | 386.843.685.749 | 372.214.331.661 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------|---|-------------|------------------------|------------------------|
| 300 | C. NỢ PHẢI TRẢ | | 231.691.580.577 | 220.132.539.936 |
| 310 | I. Nợ ngắn hạn | | 230.681.484.623 | 218.980.933.987 |
| 311 | 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 13.1 | 14.081.726.952 | 2.737.597.363 |
| 312 | 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 13.2 | 183.085.955.477 | 209.512.299.972 |
| 313 | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 14 | - | 390.224.339 |
| 314 | 4. Phải trả người lao động | | 5.088.183.710 | 3.559.706.767 |
| 315 | 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 15 | 739.841.076 | 1.183.797.434 |
| 319 | 6. Phải trả ngắn hạn khác | 16 | 27.636.071.461 | 1.485.702.165 |
| 322 | 7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 17 | 49.705.947 | 111.605.947 |
| 330 | II. Nợ dài hạn | | 1.010.095.954 | 1.151.605.949 |
| 342 | 1. Dự phòng phải trả dài hạn | 3.10 | 959.997.500 | 1.043.089.250 |
| 343 | 2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | | 50.098.454 | 108.516.699 |
| 400 | D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 155.152.105.172 | 152.081.791.725 |
| 410 | I. Vốn chủ sở hữu | 18.1 | 155.152.105.172 | 152.081.791.725 |
| 411 | 1. Vốn cổ phần | | 132.946.410.000 | 132.946.410.000 |
| 411a | - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | | 132.946.410.000 | 132.946.410.000 |
| 412 | 2. Thặng dư vốn cổ phần | | 17.589.282.000 | 17.589.282.000 |
| 418 | 3. Quỹ đầu tư phát triển | | 12.490.339.501 | 12.490.339.501 |
| 421 | 4. Lỗ lũy kế | | (7.873.926.329) | (10.944.239.776) |
| 421a | - Lỗ lũy kế đến cuối năm trước | | (10.944.239.776) | (13.155.164.174) |
| 421b | - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong năm | | 3.070.313.447 | 2.210.924.398 |
| 440 | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | | 386.843.685.749 | 372.214.331.661 |



Ngô Tân Long
Người lập kiêm Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Mạnh Hải
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 21 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

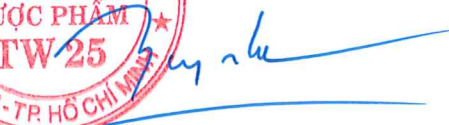
| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|-------|--|-------------|-----------------|-----------------|
| 01 | 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 19.1 | 130.580.736.698 | 140.425.031.762 |
| 02 | 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 19.1 | 157.457 | 285.445.730 |
| 10 | 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 19.1 | 130.580.579.241 | 140.139.586.032 |
| 11 | 4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp | 20 | 113.540.448.882 | 121.886.661.971 |
| 20 | 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 17.040.130.359 | 18.252.924.061 |
| 21 | 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 19.2 | 2.178.507.752 | 2.623.221.346 |
| 22 | 7. Chi phí tài chính | | 30.289.235 | 21.640.948 |
| 25 | 8. Chi phí bán hàng | 21 | 2.327.329.782 | 4.099.249.307 |
| 26 | 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 21 | 14.302.022.766 | 14.422.485.205 |
| 30 | 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | | 2.558.996.328 | 2.332.769.947 |
| 31 | 11. Thu nhập khác | | 64.020.000 | 81.078 |
| 32 | 12. Chi phí khác | | 1.417.350 | 118.741.885 |
| 40 | 13. Lợi nhuận (chi phí) khác | | 62.602.650 | (118.660.807) |
| 50 | 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | | 2.621.598.978 | 2.214.109.140 |
| 51 | 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 23.1 | - | - |
| 52 | 16. (Thu nhập) chi phí thuế TNDN hoãn lại | 23.3 | (448.714.469) | 3.184.742 |
| 60 | 17. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN | 18.5 | 3.070.313.447 | 2.210.924.398 |
| 70 | 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 18.5 | 231 | 166 |
| 71 | 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 18.5 | 231 | 166 |



Ngô Tân Long
Người lập kèm Phó Tổng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 21 tháng 3 năm 2025



Nguyễn Mạnh Hải
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|-----------|--|-------------|-------------------------|-----------------------|
| 01 | I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| | Lợi nhuận kế toán trước thuế | | 2.621.598.978 | 2.214.109.140 |
| | <i>Điều chỉnh cho:</i> | | | |
| 02 | Khấu hao tài sản cố định | 22 | 2.699.228.313 | 3.292.369.171 |
| 03 | Các khoản dự phòng | | 1.264.705.629 | 107.533.013 |
| 04 | Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | | (10.610.533) | (8.439.102) |
| 05 | Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư | | (2.124.108.066) | (2.339.148.195) |
| 08 | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | | 4.450.814.321 | 3.266.424.027 |
| 09 | (Tăng) giảm các khoản phải thu | | (1.075.983.612) | 1.467.155.141 |
| 10 | (Tăng) giảm hàng tồn kho | | (1.540.295.563) | 15.056.311.718 |
| 11 | Tăng (giảm) các khoản phải trả | | 11.762.450.636 | (4.425.723.549) |
| 12 | Tăng chi phí trả trước | | (511.026.941) | (13.966.354) |
| 17 | Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | (61.900.000) | (95.800.000) |
| 20 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | | 13.024.058.841 | 15.254.400.983 |
| | II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 22 | Tiền thu do thanh lý tài sản cố định | | 55.700.000 | - |
| 23 | Tiền chi gửi ngân hàng có kỳ hạn | | (65.000.000.000) | (38.170.755.656) |
| 24 | Tiền thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn | | 48.769.777.151 | 35.000.000.000 |
| 27 | Tiền lãi nhận được | | 2.049.732.251 | 2.339.148.195 |
| 30 | Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư | | (14.124.790.598) | (831.607.461) |
| | III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 36 | Cổ tức đã trả | 18.4 | - | (2.566.000) |
| 40 | Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính | | - | (2.566.000) |

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|-------|---|-------------|-----------------|----------------|
| 50 | Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm | | (1.100.731.757) | 14.420.227.522 |
| 60 | Tiền và tương đương tiền đầu năm | | 29.373.283.684 | 14.944.617.060 |
| 61 | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | | 10.610.533 | 8.439.102 |
| 70 | Tiền và tương đương tiền cuối năm | 4 | 28.283.162.460 | 29.373.283.684 |



Ngô Tân Long
Người lập kiêm Phó Tổng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 21 tháng 3 năm 2025

Nguyễn Mạnh Hải
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược phẩm TW 25 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa từ một doanh nghiệp Nhà nước - Xí nghiệp Dược phẩm Trung ương 25 theo Quyết định số 5112/QĐ9-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Y tế. Theo đó, Công ty đã được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0300468511 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 19 tháng 6 năm 2007 và theo GCNĐKDN điều chỉnh gần nhất lần thứ 18 ngày 05 tháng 07 năm 2022.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên thị trường chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCOM") với mã chứng khoán là UPH do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày 29 tháng 12 năm 2016.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất dược phẩm, hóa dược, thương mại, dịch vụ và bất động sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 448B Đường Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 113 người (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 115 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

| | |
|--|---|
| Nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ | - Chi phí mua theo phương pháp nhập trước, xuất trước. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - Giá gốc thành phẩm áp dụng phương pháp tính theo giá đích danh. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm và hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Hàng hóa bất động sản

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 *Hàng tồn kho* (tiếp theo)

Hàng hóa bất động sản (tiếp theo)

Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm:

- ▶ Chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- ▶ Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- ▶ Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng hóa bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường có tính đến chiết khấu giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp tính theo giá đích danh.

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản, nếu có.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 *Tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

| | |
|--------------------------------|------------|
| Nhà cửa và vật kiến trúc | 5 - 45 năm |
| Máy móc, thiết bị | 5 - 10 năm |
| Phương tiện vận tải đường thủy | 6 - 10 năm |
| Thiết bị văn phòng | 3 - 6 năm |
| Phần mềm máy tính | 2 - 3 năm |
| Khác | 3 năm |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Sài Gòn Tây Bắc vào ngày 18 tháng 12 năm 2018 trong thời hạn 36 năm. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.8 Các khoản đầu tư

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.10 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho người lao động đã làm việc thường xuyên từ đủ 12 tháng trở lên tại Công ty. Mức trích lập được tính bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 *Lãi trên cổ phiếu*

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.13 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.14 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.15 *Thuế*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất dược phẩm, hóa dược, thương mại, dịch vụ và bất động sản. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | VND | |
|--------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Tiền mặt | 72.000.507 | 317.936.444 |
| Tiền gửi ngân hàng | 15.809.614.904 | 8.792.379.815 |
| Các khoản tương đương tiền (*) | 12.401.547.049 | 20.262.967.425 |
| TỔNG CỘNG | 28.283.162.460 | 29.373.283.684 |

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi ngắn hạn bằng VND có kỳ hạn một (1) tháng tại ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất từ 3,0% đến 3,4%/năm.

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đây là khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc trên ba tháng và kỳ hạn còn lại không quá một năm và hưởng lãi suất từ 4,1% đến 5,4%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | VND | |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Phải thu từ khách hàng | 24.310.509.936 | 21.325.804.909 |
| Công ty TNHH Xây dựng và Kinh doanh nhà Kim Long | 12.825.176.072 | 12.825.176.072 |
| Công ty TNHH Dược phẩm Đa Hoàng Chương | 3.829.790.142 | 2.528.899.089 |
| Các bên khác | 7.655.543.722 | 5.971.729.748 |
| Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 24) | 16.956.659.585 | 16.419.454.616 |
| TỔNG CỘNG | 41.267.169.521 | 37.745.259.525 |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | (17.648.469.382) | (17.648.469.382) |
| GIÁ TRỊ THUẦN | 23.618.700.139 | 20.096.790.143 |

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | VND | |
|---|----------------------|----------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Thương mại Dũng Phát | 431.200.000 | 431.200.000 |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng Sagen | 254.260.000 | 254.260.000 |
| Khác | 426.974.887 | 4.382.033.887 |
| TỔNG CỘNG | 1.112.434.887 | 5.067.493.887 |
| Dự phòng trả trước cho người bán | (820.914.887) | - |
| GIÁ TRỊ THUẦN | 291.520.000 | 5.067.493.887 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU KHÁC

| | VND | |
|--|-----------------------|----------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Ngắn hạn | 6.437.509.409 | 4.213.782.909 |
| Phải thu tiền thuê đất từ Công ty TNHH | | |
| Xây dựng và Kinh doanh nhà Kim Long | 3.601.800.798 | 3.601.800.798 |
| Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa Tân Hiệp Lợi | 1.995.664.090 | - |
| Tạm ứng cho nhân viên | 120.124.000 | - |
| Khác | 719.920.521 | 611.982.111 |
| Dài hạn | 3.761.660.200 | 3.761.660.200 |
| Phải thu Hợp đồng hợp tác kinh doanh từ | | |
| Công ty TNHH Xây dựng và Kinh doanh nhà | | |
| Kim Long (*) | 3.636.096.600 | 3.636.096.600 |
| Ký cược, ký quỹ | 125.563.600 | 125.563.600 |
| TỔNG CỘNG | 10.199.169.609 | 7.975.443.109 |
| Dự phòng phải thu khác khó đòi | (3.644.234.494) | (3.601.800.798) |
| GIÁ TRỊ THUẦN | 6.554.935.115 | 4.373.642.311 |

(*) Khoản phải thu này thể hiện giá trị căn nhà của Công ty đã góp vào Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh số 24/HĐ/XN25 ngày 24 tháng 2 năm 2005 ("Hợp đồng số 24") với Công ty TNHH Xây dựng và Kinh doanh nhà Kim Long để xây dựng Cao ốc Master tọa lạc tại số 41-43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty đang trong quá trình hoàn tất thủ tục chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh này cho Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Kinh doanh An Phát (Thuyết minh số 13.2).

8. NỢ XẤU

| | Số cuối năm | | | Số đầu năm | | |
|------------------|-----------------------|-------------------------|------------------------|-----------------------|-------------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc | Dự phòng | Giá trị có thể thu hồi |
| Công ty TNHH | | | | | | |
| Xây dựng và | | | | | | |
| Kinh doanh | | | | | | |
| Nhà | | | | | | |
| Kim Long | 16.426.976.870 | (16.426.976.870) | - | 16.426.976.870 | (16.426.976.870) | - |
| Khác | 5.686.641.893 | (5.686.641.893) | - | 4.823.293.310 | (4.823.293.310) | - |
| TỔNG CỘNG | 22.113.618.763 | (22.113.618.763) | - | 21.250.270.180 | (21.250.270.180) | - |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. HÀNG TỒN KHO

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | | VND |
|---------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|-----|
| | | | | | |
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng | |
| Tài sản | | | | | |
| bất động sản (*) | 160.622.501.912 | - | 160.622.501.912 | - | |
| Nguyên vật liệu | 29.512.724.979 | (2.536.270.117) | 26.903.004.876 | (2.051.821.321) | |
| Thành phẩm | 9.958.599.769 | - | 10.785.275.543 | - | |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh | | | | | |
| dở dang | 1.640.958.292 | - | 1.903.501.858 | - | |
| Công cụ, dụng cụ | 22.024.800 | - | - | - | |
| Hàng hóa | 11.242.000 | - | 13.472.000 | - | |
| TỔNG CỘNG | 201.768.051.752 | (2.536.270.117) | 200.227.756.189 | (2.051.821.321) | |

(*) Đây là giá trị quyền sử dụng đất thuê tại số 120 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh nộp cho Chi cục Thuế Quận 1, liên quan đến các thỏa thuận của Công ty với Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp Tây Ninh (Thuyết minh số 13.2).

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

| | VND | |
|---------------------|----------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Số đầu năm | 2.051.821.321 | 1.928.364.600 |
| Dự phòng trong năm | 1.128.776.831 | 123.456.721 |
| Hoàn nhập trong năm | (644.328.035) | - |
| Số cuối năm | <u>2.536.270.117</u> | <u>2.051.821.321</u> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | Nhà xưởng và vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải | Thiết bị văn phòng | VND Tổng cộng |
|---------------------------------|-------------------------------|-----------------------------------|------------------------|-----------------------|------------------------------------|
| Nguyên giá: | | | | | |
| Số đầu năm | 38.973.526.498 | 69.540.110.815 (2.360.213.359) | 2.713.306.813 | 762.363.930 | 111.989.308.056 (2.360.213.359) |
| Thanh lý | - | | - | - | |
| Số cuối năm | 38.973.526.498 | 67.179.897.456 | 2.713.306.813 | 762.363.930 | 109.629.094.697 |
| Trong đó: | | | | | |
| Đã khấu hao hết | 4.513.091.128 | 54.871.901.441 | 2.081.615.904 | 762.363.930 | 62.228.972.403 |
| Giá trị khấu hao lũy kế: | | | | | |
| Số đầu năm | 22.916.293.602 | 63.151.224.150 | 2.516.897.514 | 761.317.409 | 89.345.732.675 |
| Khấu hao trong năm | 871.321.552 | 1.795.036.925 | 90.241.560 | 1.046.521 | 2.757.646.558 |
| Thanh lý | - | (2.360.213.359) | - | - | (2.360.213.359) |
| Số cuối năm | 23.787.615.154 | 62.586.047.716 | 2.607.139.074 | 762.363.930 | 89.743.165.874 |
| Giá trị còn lại: | | | | | |
| Số đầu năm | 16.057.232.896 | 6.388.886.665 | 196.409.299 | 1.046.521 | 22.643.575.381 |
| Số cuối năm | 15.185.911.344 | 4.593.849.740 | 106.167.739 | - | 19.885.928.823 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Số cuối năm thể hiện hiện các chi phí liên quan đến khảo sát địa hình, khảo sát địa chất, thẩm định, thiết kế nhằm mục đích xây dựng nhà máy tại Khu Công nghiệp Tân Phú Trung, Ấp Trạm Bơm, Xã Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

| | VND | |
|-------------------------|----------------|----------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Tiền thuê cơ sở hạ tầng | 48.562.134.538 | 50.186.494.000 |

Chi phí thuê cơ sở hạ tầng trả trước phát sinh từ Hợp đồng Thuê đất số 109/HĐTD/SCD-2018 ngày 12 tháng 10 năm 2018 đã ký kết với Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Sài Gòn Tây Bắc (SCD) để thuê lại cơ sở hạ tầng tại Lô B5-4, Khu B5, Đường D2, Khu Công nghiệp Tân Phú Trung, Ấp Trạm Bơm, Xã Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 30.866 m² cho mục đích xây dựng nhà máy. Thời hạn thuê từ ngày 10 tháng 1 năm 2020 đến ngày 16 tháng 12 năm 2054.

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

13.1 Phải trả người bán ngắn hạn

| | VND | |
|--|-----------------------|----------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Phải trả cho người bán | 14.035.264.452 | 2.688.247.363 |
| Sinobright Pharmaceutical Co., Ltd. | 4.225.113.360 | - |
| Công ty Cổ phần Thương mại Việt Uy | 1.921.500.000 | - |
| Công ty Cổ phần Dược phẩm Benovas | 1.813.699.620 | 991.525.428 |
| Công ty TNHH Hóa Dược phẩm Phương Phúc | 1.600.630.668 | - |
| Các bên khác | 4.474.320.804 | 1.696.721.935 |
| Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 24) | 46.462.500 | 49.350.000 |
| TỔNG CỘNG | 14.081.726.952 | 2.737.597.363 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN
(tiếp theo)

13.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | VND | |
|--|------------------------|------------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp Tây Ninh (i) | 178.082.838.961 | 178.082.838.961 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Kinh doanh An Phát (ii) | 5.000.000.000 | 5.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Môi trường Công ích Miền Nam (Thuyết minh số 16) | - | 26.250.000.000 |
| Các bên khác | 3.116.516 | 179.461.011 |
| TỔNG CỘNG | 183.085.955.477 | 209.512.299.972 |

(i) Đây là khoản tiền nhận từ Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp Tây Ninh ("INDECO") theo Hợp đồng hợp tác, đầu tư và chuyển giao bất động sản số 58/TW25-INDECO ký ngày 27 tháng 8 năm 2018 giữa Công ty và INDECO để đầu tư xây dựng Cao ốc Văn Phòng tọa lạc tại số 120 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài ra, vào ngày 11 tháng 9 năm 2018, Công ty và INDECO cũng đã ký kết hợp đồng thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình (EPC) số 59/TW25-INDECO cho dự án xây dựng cao ốc văn phòng trên thửa đất này của Công ty. Theo đó, mọi công việc, thủ tục, chi phí liên quan đến xây dựng và hoàn thành cao ốc sẽ do INDECO chịu trách nhiệm thực hiện và chịu mọi chi phí. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, dự án này đang trong giai đoạn xin giấy phép xây dựng.

(ii) Đây là khoản tiền nhận từ Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Kinh doanh An Phát ("An Phát") theo Hợp đồng số 20/2018/HĐCN/TW25-AP về việc chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ của Công ty từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 24/HĐ/XN25 ngày 24 tháng 2 năm 2005 với Công ty TNHH Xây dựng và Kinh doanh nhà Kim Long và quyền thuê khu đất tại số 41-43 Trần Cao Vân, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, thủ tục chuyển nhượng này vẫn chưa được hoàn tất.

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | VND | | | |
|--------------------------|----------------------|-----------------------|-------------------------|--------------------|
| | Số đầu kỳ | Tăng trong kỳ | Giảm trong kỳ | Số cuối kỳ |
| Phải thu | | | | |
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu | - | 2.639.879.318 | (2.431.319.018) | 208.560.300 |
| Thuế GTGT | 1.119.600.757 | 6.661.396.073 | (7.634.731.572) | 146.265.258 |
| Thuế thu nhập cá nhân | - | 68.857.130 | - | 68.857.130 |
| TỔNG CỘNG | 1.119.600.757 | 9.370.132.521 | (10.066.050.590) | 423.682.688 |
| Phải nộp | | | | |
| Thuế thu nhập cá nhân | 390.224.339 | 1.045.738.947 | (1.435.963.286) | - |
| Tiền thuê đất | - | 13.843.782.797 | (13.843.782.797) | - |
| Khác | - | 68.071.391 | (68.071.391) | - |
| TỔNG CỘNG | 390.224.339 | 14.957.593.135 | (15.347.817.474) | - |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

| | VND | |
|-------------------------------|--------------------|----------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Chi phí dịch vụ chuyên nghiệp | 89.613.840 | 92.000.000 |
| Khác | 650.227.236 | 1.091.797.434 |
| TỔNG CỘNG | 739.841.076 | 1.183.797.434 |

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

| | VND | |
|--|-----------------------|----------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Công ty Cổ phần Môi trường Công ích Miền Nam (i) | 26.250.000.000 | - |
| Nhận đặt cọc | 420.000.000 | 420.000.000 |
| Kinh phí công đoàn | 225.233.841 | 220.118.044 |
| Cổ tức phải trả | 221.634.744 | 221.444.934 |
| Khác | 519.202.876 | 624.139.187 |
| TỔNG CỘNG | 27.636.071.461 | 1.485.702.165 |

(i) Đây là khoản tiền nhận từ Công ty Cổ phần Môi trường Công ích Miền Nam ("SPEC") theo Hợp đồng chuyển nhượng số 68/2017/HĐCN/SPEC/TW-25 ký ngày 2 tháng 11 năm 2017 giữa Công ty và SPEC để chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất thuê và quyền khai thác và phát triển dự án trên khu đất tại số 448B Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh với tổng giá trị hợp đồng là 75.000.000.000 đồng. Theo Nghị quyết số 58/NQ-HĐQT-TW25 ngày 12 tháng 8 năm 2022, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua việc thanh lý Hợp đồng Chuyển nhượng này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty đang trong quá trình đàm phán với SPEC để thực hiện các thủ tục cần thiết cho việc thanh lý hợp đồng này.

17. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

| | VND | |
|-----------------------|--------------|--------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Số đầu năm | 111.605.947 | 207.405.947 |
| Sử dụng quỹ trong năm | (61.900.000) | (95.800.000) |
| Số cuối năm | 49.705.947 | 111.605.947 |

Công ty Cổ phần Dược phẩm TW 25

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 *Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

| | Vốn cổ phần | Thặng dư vốn cổ phần | Quỹ đầu tư phát triển | Lỗi lũy kế | VND Tổng cộng |
|---------------------------|------------------------|-------------------------|--------------------------|-------------------------|------------------------|
| Năm trước | | | | | |
| Số đầu năm | 132.946.410.000 | 17.589.282.000 | 12.490.339.501 | (13.155.164.174) | 149.870.867.327 |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | - | 2.210.924.398 | 2.210.924.398 |
| Số cuối năm | <u>132.946.410.000</u> | <u>17.589.282.000</u> | <u>12.490.339.501</u> | <u>(10.944.239.776)</u> | <u>152.081.791.725</u> |
| Năm nay | | | | | |
| Số đầu năm | 132.946.410.000 | 17.589.282.000 | 12.490.339.501 | (10.944.239.776) | 152.081.791.725 |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | - | 3.070.313.447 | 3.070.313.447 |
| Số cuối năm | <u>132.946.410.000</u> | <u>17.589.282.000</u> | <u>12.490.339.501</u> | <u>(7.873.926.329)</u> | <u>155.152.105.172</u> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

| | Số đầu năm và số cuối năm | | |
|-------------------------------|--------------------------------|------------------------|---------------|
| | Số lượng cổ phiếu phổ thông | Giá trị (VND) | % sở hữu |
| Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC | 7.730.000 | 77.300.000.000 | 58.14 |
| Tổng Công ty Dược Việt Nam | 3.780.000 | 37.800.000.000 | 28.43 |
| Khác | 1.784.641 | 17.846.410.000 | 13.43 |
| TỔNG CỘNG | 13.294.641 | 132.946.410.000 | 100.00 |

18.3 Cổ phiếu

| | Số lượng cổ phiếu | |
|---|-------------------|------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Cổ phiếu phổ thông được phép phát hành | 13.294.641 | 13.294.641 |
| Cổ phiếu phổ thông đã được phát hành và góp vốn đầy đủ | 13.294.641 | 13.294.641 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành | 13.294.641 | 13.294.641 |
| Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu. | | |

18.4 Cổ tức

| | VND | |
|-------------------------|---------|-----------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Cổ tức đã trả trong năm | - | 2.566.000 |

18.5 Lãi trên cổ phiếu

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---------------|---------------|
| Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND) | 3.070.313.447 | 2.210.924.398 |
| Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - |
| Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND) | 3.070.313.447 | 2.210.924.398 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân (cổ phiếu) | 13.294.641 | 13.294.641 |
| Lãi trên cổ phiếu | | |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/ cổ phiếu) | 231 | 166 |
| Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/ cổ phiếu) | 231 | 166 |

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. DOANH THU

19.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | VND | |
|-------------------------------------|------------------------|------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Tổng doanh thu | 130.580.736.698 | 140.425.031.762 |
| Trong đó: | | |
| Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa | 128.465.430.275 | 138.395.597.830 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 2.115.306.423 | 2.029.433.932 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | (157.457) | (285.445.730) |
| Hàng bán bị trả lại | (157.457) | (285.445.730) |
| TỔNG CỘNG | 130.580.579.241 | 140.139.586.032 |
| Trong đó: | | |
| Doanh thu đối với các bên liên quan | | |
| (Thuyết minh số 24) | 105.625.525.463 | 119.477.828.760 |
| Doanh thu đối với các bên khác | 24.955.053.778 | 20.661.757.272 |

19.2 Doanh thu hoạt động tài chính

| | VND | |
|--------------------------------|----------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lãi tiền gửi | 2.068.408.066 | 2.339.148.195 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái | 110.099.686 | 284.073.151 |
| TỔNG CỘNG | 2.178.507.752 | 2.623.221.346 |

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

| | VND | |
|---|------------------------|------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán | 112.394.296.914 | 120.737.073.635 |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 1.146.151.968 | 1.149.588.336 |
| TỔNG CỘNG | 113.540.448.882 | 121.886.661.971 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | VND | |
|-------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí bán hàng | 2.327.329.782 | 4.099.249.307 |
| Chi phí nhân viên | 1.178.764.934 | 1.440.744.224 |
| Chi phí khấu hao | 50.436.360 | 50.436.360 |
| Chi phí hoa hồng | - | 2.187.160.577 |
| Chi phí khác | 1.098.128.488 | 420.908.146 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 14.302.022.766 | 14.422.485.205 |
| Chi phí nhân viên | 6.858.767.449 | 7.396.763.330 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 320.842.000 | 3.893.634.307 |
| Chi phí khấu hao | 89.370.521 | 100.880.484 |
| Chi phí khác | 7.033.042.796 | 3.031.207.084 |
| TỔNG CỘNG | 16.629.352.548 | 18.521.734.512 |

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

| | VND | |
|---------------------------|------------------------|------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí nguyên vật liệu | 83.789.175.552 | 88.339.918.296 |
| Chi phí nhân viên | 23.403.188.419 | 26.038.643.915 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 7.760.561.142 | 5.601.733.179 |
| Chi phí khấu hao | 2.699.228.313 | 3.292.369.171 |
| Chi phí khác | 11.428.428.664 | 13.089.952.648 |
| TỔNG CỘNG | 129.080.582.090 | 136.362.617.209 |

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

23.1 Chi phí thuế TNDN

| | Năm nay | VND Năm trước |
|---------------------------------------|----------------------|------------------|
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | - | - |
| (Thu nhập) Chi phí thuế TNDN hoãn lại | (448.714.469) | 3.184.742 |
| TỔNG CỘNG | (448.714.469) | 3.184.742 |

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

| | Năm nay | VND Năm trước |
|--|----------------------|----------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 2.621.598.978 | 2.214.109.140 |
| Thuế TNDN theo thuế suất 20% | 524.319.796 | 442.821.828 |
| <i>Các điều chỉnh:</i> | | |
| Chi phí không được trừ | 223.540.777 | 437.056.683 |
| Lỗ thuế có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai (<i>Thuyết minh số 23.3</i>) | (465.332.819) | - |
| Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước | - | 58.774.800 |
| Lỗ các năm trước chuyển sang | (731.242.223) | (935.468.569) |
| Chi phí (thu nhập) thuế TNDN | (448.714.469) | 3.184.742 |

23.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

23.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

| | Bảng cân đối kế toán | | Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | |
|--|----------------------|--------------------|--------------------------------------|--------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm | Năm nay | Năm trước |
| Lỗ thuế có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai (<i>Thuyết minh số 23.4</i>) | 465.332.819 | - | 465.332.819 | - |
| Dự phòng trợ cấp thôi việc | 191.999.500 | 208.617.850 | (16.618.350) | (3.184.742) |
| Tài sản thuế TNDN hoãn lại | 657.332.319 | 208.617.850 | | |
| Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại | | | 448.714.469 | (3.184.742) |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

23.4. Lỗ thuế mang sang

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 2.326.664.097 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 5.982.875.213 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

| | | VND | | | |
|------------------|--------------------------|-----------------------|----------------------------------|--|------------------------------------|
| Năm phát sinh | Có thể chuyển lỗ đến năm | Lỗ tính thuế | Đã chuyển lỗ đến ngày 31/12/2024 | Giảm trừ lỗ tính thuế theo BB thanh tra thuế (*) | Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/12/2024 |
| 2019 | 2024 | 2.732.196.644 | (2.732.196.644) | - | - |
| 2020 | 2025 | 4.985.629.762 | (4.139.979.647) | (845.650.115) | - |
| 2021 | 2026 | 5.022.160.956 | (1.461.377.670) | (1.234.119.189) | 2.326.664.097 |
| TỔNG CỘNG | | 12.739.987.362 | (8.333.553.961) | (2.079.769.304) | 2.326.664.097 |

(*) Điều chỉnh theo Quyết định số 549/QĐ-CT ngày 29 tháng 3 năm 2023 được ban hành bởi Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh.

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan có giao dịch với Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

| Bên liên quan | Mối quan hệ |
|---|---|
| Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC | Công ty mẹ |
| Công ty TNHH MTV Dược phẩm OPC Bình Dương | Đồng sở hữu bởi công ty mẹ cao nhất |
| Bà Phạm Thị Xuân Hương | Chủ tịch Hội đồng Quản trị |
| Bà Phương Thanh Nhung | Thành viên Hội đồng Quản trị |
| Ông Trần Trí Đức | Thành viên Hội đồng Quản trị |
| Ông Hà Đức Cường | Thành viên Hội đồng Quản trị |
| Bà Hà Lan Anh | Thành viên Hội đồng Quản trị từ ngày 20 tháng 4 năm 2024 |
| Ông Nguyễn Văn Khải | Thành viên Hội đồng Quản trị (đến ngày 20 tháng 4 năm 2024) |
| Ông Nguyễn Mạnh Hải | Tổng Giám đốc (từ ngày 1 tháng 6 năm 2024) |
| Ông Đồng Văn Mạnh | Tổng Giám đốc (đến ngày 1 tháng 6 năm 2024) |
| Ông Ngô Tân Long | Phó Tổng Giám đốc |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

| Bên liên quan | Nội dung nghiệp vụ | VND | |
|---|-----------------------------|-----------------|-----------------|
| | | Năm nay | Năm trước |
| Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC | Bán hàng hóa | 105.541.525.463 | 119.477.828.760 |
| | Dịch vụ khác | 84.000.000 | - |
| | Mua hàng | 51.211.340 | - |
| | Hàng bán trả lại | 157.457 | 121.346.690 |
| | Chi phí chăm sóc khách hàng | - | 880.209.438 |
| | Chuyển nhượng quyền thuê | - | 399.000.000 |
| Công ty TNHH MTV Dược phẩm OPC Bình Dương | Mua nguyên vật liệu | 403.500.000 | 497.000.000 |

Thu nhập bao gồm tiền lương, thù lao, thưởng và các lợi ích khác của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát như sau:

| | Chức vụ | VND | |
|--------------------------|--|----------------------|----------------------|
| | | Năm nay | Năm trước |
| Hội đồng Quản trị | | 270.000.000 | 263.250.000 |
| Bà Phạm Thị Xuân Hương | Chủ tịch | 78.000.000 | 81.250.000 |
| Bà Phương Thanh Nhung | Thành viên | 48.000.000 | 50.000.000 |
| Ông Trần Trí Đức | Thành viên | 48.000.000 | 50.000.000 |
| Ông Hà Đức Cường | Thành viên | 48.000.000 | 32.000.000 |
| Bà Hà Lan Anh | Thành viên (từ ngày 20 tháng 4 năm 2024) | 32.000.000 | - |
| Ông Nguyễn Văn Khái | Nguyên thành viên (đến ngày 20 tháng 4 năm 2024) | 16.000.000 | 50.000.000 |
| Ban Kiểm soát | | 120.000.000 | 125.000.000 |
| Bà Huỳnh Thị Anh Thư | Trưởng ban | 32.000.000 | - |
| Bà Nguyễn Thị Thủy | Nguyên trưởng ban (đến ngày 20 tháng 4 năm 2024) | 16.000.000 | 50.000.000 |
| Bà Lê Thị Ánh Nguyệt | Thành viên | 36.000.000 | 37.500.000 |
| Bà Nguyễn Thu Thủy | Thành viên | 36.000.000 | 37.500.000 |
| Ban Tổng Giám đốc | | 1.625.881.910 | 1.975.129.327 |
| Ông Nguyễn Mạnh Hải | Tổng Giám đốc (từ ngày 1 tháng 6 năm 2024) | 572.428.571 | - |
| Ông Đồng Văn Mạnh | Nguyên Tổng Giám đốc (đến ngày 1 tháng 6 năm 2024) | 492.573.339 | 1.267.059.033 |
| Ông Ngô Tân Long | Phó Tổng Giám đốc | 560.880.000 | 708.070.294 |
| TỔNG CỘNG | | 2.015.881.910 | 2.363.379.327 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

| VND | | | |
|---|--------------------|----------------|----------------|
| Bên liên quan | Nội dung nghiệp vụ | Số cuối năm | Số đầu năm |
| <i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6.1)</i> | | | |
| Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC | Bán hàng | 16.956.659.585 | 16.419.454.616 |
| <i>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 13.1)</i> | | | |
| Công ty TNHH MTV Dược phẩm OPC Bình Dương | Mua hàng | 46.462.500 | 49.350.000 |

25. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

| VND | | |
|------------|---------------|-------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Dưới 1 năm | 1.201.734.194 | 370.909.091 |

Cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có khoản cam kết trị giá 12.525.700.000 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 12.525.700.000 VND) chủ yếu liên quan đến xây dựng nhà máy phục vụ hoạt động của Công ty.

26. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------|-------------|------------|
| Ngoại tệ các loại | | |
| USD | 387,45 | 618,35 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.



Ngô Tân Long
Người lập kiêm Phó Tổng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 21 tháng 3 năm 2025



Nguyễn Mạnh Hải
Tổng Giám đốc

